

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2023/HC-ST

Ngày: 26-9-2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kiều Thị Kim Dung

2. Ông Nguyễn Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 203/2023/TLST-HC ngày 17/7/2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXXST-HC ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Chí C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 1, xã NT, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền của ông C: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp 1, xã NT, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An là ông Đinh Văn S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

(bà L có mặt; UBND huyện T có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2023 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Ngày 06/11/1995 bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa đất số 341, tờ bản đồ số 2, loại đất 2L. Ngày 12/02/1997 UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh

đối với thửa đất 341, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng lúa. Quá trình kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh căn cứ bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế. Ngày 13/11/2013 bà Nh lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trần Chí C trong đó có thửa 341. Ngày 29/11/2013 UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C thửa đất 341, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng lúa. Tuy nhiên thửa đất 341 là đất thổ, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C không đúng mục đích sử dụng. Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông C đối với thửa đất 341, tờ bản đồ số 2.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An trình bày như sau:

Ngày 06/11/1995 bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa đất số 341, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.124 m², loại đất 2L. Ngày 12/02/1997 UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K058529 cho bà Nh trong đó có thửa đất 341, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng lúa. Quá trình kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh căn cứ bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Ngày 13/11/2013 bà Nh lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trần Chí C trong đó có thửa 341. Ngày 29/11/2013 UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C thửa đất 341, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.124 m², loại đất trồng lúa. Quá trình cấp giấy chứng nhận cho ông C căn cứ trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền, Tòa án xác định đúng đối tượng, khi ông C khởi kiện là còn trong thời hiệu nên việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Chí C:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 290964 đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 02, diện tích là 1.124 m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã NT, huyện T, tỉnh Long An do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2013 cho ông Trần Chí C.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Chí C yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 290964 đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 02, diện tích là 1.124 m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã NT, huyện T, tỉnh Long An do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2013 cho ông Trần Chí C. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Trần Chí C phát hiện việc UBND huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C không đúng mục đích sử dụng vào đầu năm 2023, ngày 27/6/2023 ông C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, đại diện người bị kiện là UBND huyện T, tỉnh Long An có yêu cầu xin vắng mặt. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện là phù hợp.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại, nhưng người khởi kiện có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại; Người bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Tố tụng hành chính Tòa án thu thập đầy đủ chứng cứ, không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập giữa bà Nguyễn Thị Nh với ông Trần Chí C, UBND huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Chí C ngày 29/11/2013 đối với thửa 341, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, đất tọa lạc tại xã NT, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, UBND huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định của Luật đất đai.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên Tòa hôm nay ông C cho rằng thửa đất 341 ông C đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là do mẹ ông C cho sử dụng ổn định đến nay. Trên thửa đất 341 trước đó gia đình ông C đã cất nhà và sinh sống ổn định đến nay, không phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông C thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị Nh là mẹ của ông Trần Chí C đã tặng cho ông C thửa đất 341 theo Hợp đồng tặng cho được lập giữa bà Nh và ông C. Căn cứ vào Hợp đồng tặng cho trên vào ngày 29/11/2013 ông C được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa. Tuy nhiên, thực tế thửa đất 341 ông C đang quản lý, sử dụng là đất thổ. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C là không đúng với mục đích sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

Nhận định trên phù hợp với xác nhận của UBND xã NT, huyện T có nội dung như sau: Nguồn gốc thửa đất 341 ông C được mẹ ruột là bà Nh cho năm 2013. Vào năm 1945 bà Nh khai vỡ thửa đất này, đến năm 1963 bà Nh lên nền cất nhà. Nhưng vào năm 1997 khi được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất này bà Nh đã lên nền xây dựng nhà ở vào năm 1963 mục đích sử dụng đất lại là đất lúa, hiện tại ông C sử dụng thửa đất trên ổn định, không phát sinh tranh chấp. Phù hợp với biên bản thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 14/9/2023 xác định: Trên thửa đất 341 có 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu: Tường gạch, nền lót gạch men trước nhà có mái tiền chèo, có 01 ngôi mộ của mẹ ông C được xây bằng bê tông, xung quanh thửa đất có 01 số cây trồng, bao quanh thửa đất có hàng rào. Căn nhà do ông C xây vào năm 2012, các cây ăn trái do ông C trồng. Phù hợp với các biên nhận nộp thuế cho thửa đất 341.

Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng: Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 02 cho ông C không đúng mục đích sử dụng là trái với quy định của Luật Đất đai

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ nên được chấp nhận, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông C đối với thửa đất 341 như lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.300.000đồng. ông C đã nộp tạm ứng. Ông C tự nguyện chịu. Ông C đã nộp xong.

Về án phí: Ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C 300.000đồng tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0003781 ngày 13/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 50, 105 Luật Đất đai năm 2003;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Chí C.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 290964 đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 02, diện tích là 1.124 m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã NT, huyện T, tỉnh Long An do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2013 cho ông Trần Chí C.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.300.000đồng. Ông C đã nộp tạm ứng. Ông C tự nguyện chịu. Ông C đã nộp xong.

Về án phí: Ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C 300.000đồng tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0003781 ngày 13/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Phước Thanh**